

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/HNGĐ-ST

Ngày: 03/08/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Nguyễn Thị Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Hữu– Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 08 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 64/6/1A, tổ 12, khóm ĐT2, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG

Địa chỉ liên hệ hiện nay: ấp HB, xã MHS, huyện HD, tỉnh KG (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đào Anh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 64/6/1A, tổ 12, khóm ĐT 2, phường MP, thành phố lx, tỉnh AG (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2018, bổ sung ngày 12 tháng 3 năm 2018, trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trương Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Trương Thị Hồng T và ông Đào Anh T do mai mối rồi quen biết, tìm hiểu nhau; được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 168/KH-MP, đăng ký ngày 25 tháng 8 năm 2009. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do ông T thường xuyên sai rượu, không quan tâm cho gia đình, vợ con. Bà T nhiều lần khuyên nhủ ông T nhưng ông T không thay đổi và vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm chăm sóc chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung bà Trương Thị Hồng T và ông Đào Anh T có hai con chung tên Đào Thanh T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2008 (nam) và Đào Thành T, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2013 (nam). Bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung do

hiện nay bà T có việc làm ổn định, có thu nhập đủ lo cho bản thân và hai con sinh sống, ăn học.

Về quan hệ tài sản chung: Bà T yêu cầu được tự thỏa thuận với ông T nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ chung nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đào Anh T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX:

Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà T tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân và gia đình, sau khi kết hôn ông T thường hay nhậu, không có trách nhiệm lo cho gia đình, bà T nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không từ bỏ nên bà T về cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2015 đến nay. Ông T biết bà T xin ly hôn nhưng không tham gia tố tụng đã cho thấy ông T không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của ông và bà T. Tòa án nhiều lần động viên và được Hội đồng xét xử động viên hàn gắn với ông T nhưng bà T kiên quyết xin ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông T đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T đối với ông T. Về con chung: Hai con chung tên T và T hiện nay đang sống chung với bà T, được chăm sóc nuôi dưỡng tốt, có nơi ở ổn định. Bà T trình bày có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung. Riêng con chung tên T yêu cầu sống chung với bà T và ông T không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của bà T. Xét thấy, để bảo đảm ổn định về tinh thần và quyền lợi về mọi mặt cho hai con chung thì cần thiết giao hai con chung T, T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà T không yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông Đào Anh T nhưng ông không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trương Thị Hồng T và ông Đào Anh T kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP, thành phố LX, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 168/KH-MP, ngày 25 tháng 8 năm 2009, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn

nhân và gia đình. Nay, bà Th và ông T phát sinh mâu thuẫn, bà T xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông T thường say rượu, không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con và đã ly thân năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống chung bà T luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

[4] Xét, hôn nhân giữa bà T và ông T mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân với nhau hơn ba năm nay, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông T. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T.

[5] Về quan hệ con chung: Bà T và ông T có 02 con chung tên Đào Thanh T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2008 và Đào Thành T, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2013. Hiện nay, hai con chung đang sống ổn định với bà T, được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Đối với con chung tên Đào Thanh T có nguyện vọng sống chung với bà T. Việc cháu T và T sống chung với bà T, ông T không có ý kiến. Do đó, xét cần thiết phải giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của bà T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác nếu có.

[6] Trong thời gian sống chung vợ chồng, bà T xác định giữa bà và ông T có tài sản chung nhưng bà T yêu cầu được tự thỏa thuận với ông T nên không yêu cầu xem xét giải quyết nên không xét đến.

[7] Về quan hệ nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác, nên không xét đến.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Hồng T được ly hôn với ông Đào Anh T.

Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đào Thanh T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2008 (nam) và Đào Thành T, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2013 (nam). Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu. Bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung: Bà T yêu cầu tự thỏa thuận với ông T. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Hồng T nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005073, ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Trương Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đào Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông Tuấn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Văn Phương